



Yêu cầu của chứng nhận ASC về bảo vệ các loài bị đe dọa

Cần Thơ, 1 tháng 12 năm 2016



TỔ CHỨC ASC VÀ TIÊU CHUẨN ASC

- ASC là chữ viết tắt của: Aquaculture Stewardship Council “Hội đồng quản lý nuôi trồng thủy sản”;
- Là tổ chức độc lập, phi lợi nhuận, chứng nhận và dán nhãn;
- Thành lập năm 2009 qua các [Đối Thoại Nuôi Trồng Thủy Sản](#) – có sự tham gia của nhiều bên liên quan;
- Đang phát triển và có sự tiến triển tốt;
- Có hệ thống chứng nhận chính thức.

Phân loại loài theo IUCN

IUCN đưa ra danh mục phân loại loài dựa vào các tiêu chí về mức độ đe dọa tuyệt chủng như: tốc độ suy giảm (rate of decline), kích thước quần thể (population size), phạm vi phân bố (area of geographic distribution), mức độ phân tách quần thể và khu phân bố (degree of population and distribution fragmentation) như sau

1. Extinct: Tuyệt chủng
2. Extinct in the wild: Tuyệt chủng trong tự nhiên
3. Critically endangered: cực kỳ nguy cấp
4. Endangered: nguy cấp
5. Vulnerable: sắp nguy cấp
6. Near threatened: Sắp bị đe dọa
7. Least concern: ít quan tâm



Phân loại các khu được bảo vệ

IUCN đưa ra một hệ thống xếp loại những khu vực được bảo vệ từ năm 1978 và đến năm 1994 như sau:

- Loại Ia và Ib:** Strict Nature Reserve/Wilderness Area: Khu bảo hộ thiên nhiên nghiêm ngặt/Khu vực hoang dã, là những khu vực rộng lớn mà mục đích chính là để nghiên cứu hoặc bảo vệ những vùng hoang dã lớn.
- Loại II:** National Park: Vườn quốc gia, khu vực mà mục đích chính để bảo vệ hệ sinh thái và để nghỉ dưỡng.
- Loại III:** Natural Monument: Di tích thiên nhiên. Khu vực lưu giữ những biểu hiện đặc biệt của thiên nhiên.
- Loại IV:** Habitat/Species Management Area: Khu quản lý môi trường sống/loài. Khu vực điều hành đặc biệt.
- Loại V:** Protected Landscape/Seascape: Cảnh quan đất liền/cảnh quan biển được bảo vệ. Khu vực để bảo vệ những cảnh quan trên đất liền hoặc trên biển.
- Loại VI:** Managed Resource Protected Area: Khu bảo hộ tài nguyên được quản lý. Khu vực điều hành để sử dụng hiệu quả tài nguyên môi trường.



Nguyên tắc 2: Trại nuôi được xây dựng ở những nơi phù hợp về mặt môi trường đồng thời bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái tự nhiên quan trọng

Tiêu chí 2.1: Đánh giá tác động môi trường về đa dạng sinh học (BEIA)

Chỉ báo	Tiêu chuẩn
2.1.1 Xây dựng trại nuôi trong các khu bảo tồn	Không, ngoại trừ: - Trang trại xây dựng trong Khu Bảo Tồn được IUCN xếp loại V, và hệ thống trại nuôi được xem là hình thức canh tác truyền thống - Trang trại xây dựng trong khu Bảo Tồn được IUCN xếp loại VI nếu trại nuôi được xây dựng hợp pháp trước khi thiết kế khu bảo tồn. Trong cả hai trường hợp, trại nuôi phải tuân thủ theo mục tiêu và kế hoạch quản lý của khu bảo tồn và việc nuôi tôm không lớn hơn 25% tổng diện tích khu bảo tồn



Tiêu chí 2.1: Đánh giá tác động môi trường về đa dạng sinh học (BEIA)

	Các tiêu chí cần tuân thủ (Yêu cầu hành động của Người áp dụng):	Đánh giá của kiểm tra viên (Yêu cầu hành động của CB):
Chỉ số 2.1.1	a. Cung cấp các tọa độ địa lý của trang trại , cho thấy có phải rằng trang trại không được xây dựng trong Khu Bảo Tồn	A. Kiểm chứng các tọa độ địa lý có sẵn tại trại nuôi
Chỉ báo:	b. Nếu trại nuôi được xây dựng trong khu bảo tồn, cung cấp bằng chứng về xếp loại của khu bảo tồn.	B. Kiểm chứng việc xếp loại của khu bảo tồn là chính xác và khu vực đó không nằm trong nhóm xếp loại từ I-IV tại thời điểm xây dựng
Tiêu chuẩn:	c. Đối với các trại nuôi được xây dựng trong khu bảo tồn được IUCN xếp loại V, cung cấp bằng chứng rằng hệ thống nuôi là loại hình sử dụng đất truyền thống, và trại nuôi không chiếm quá 25% diện tích của toàn vùng.	C. Kiểm chứng các bằng chứng có sẵn tại trại nuôi và đáng tin, Kiểm tra vị trí trại nuôi và các hoạt động phù hợp với việc phân vùng và kế hoạch quản lý của vùng bảo tồn.
Áp dụng: Tất cả	d. Đối với các trại xây dựng trong vùng bảo tồn xếp loại VI của IUCN, cung cấp bằng chứng rằng trại nuôi đã được xây dựng hợp pháp trước khi xếp loại khu bảo tồn, trại nuôi không chiếm quá 25% diện tích của toàn vùng	D. Kiểm chứng rằng các bằng chứng có sẵn tại trại nuôi và đáng tin cậy. Kiểm tra vị trí trại nuôi và các hoạt động phù hợp với việc phân vùng và kế hoạch quản lý của vùng bảo tồn.



Tiêu chí 2.2: Bảo vệ các khu bảo tồn hoặc các sinh cảnh then chốt

	Chỉ báo	Tiêu chuẩn
2.2.2	Xây dựng trại nuôi trong các vùng đất ngập mặn, đất ngập nước tự nhiên	Không cho phép đối với các trang trại được xây dựng sau tháng 5 năm 1999, ngoại trừ xây trạm bơm và kênh dẫn nước/thoát nước (được cấp phép bởi những người có thẩm quyền) và bồi thường một diện tích tương đương Đối với các trang trại được xây dựng trước tháng 5 năm 1999, người nuôi phải bồi thường/đền bù được xác định bởi B- EIA, hoặc 50% của hệ sinh thái bị ảnh hưởng.



Tiêu chí 2.2: Bảo vệ các khu bảo tồn hoặc các sinh cảnh then chốt

	Các tiêu chí cần tuân thủ (Yêu cầu hành động của Người áp dụng):	Đánh giá của kiểm tra viên (Yêu cầu hành động của CB):
Chỉ số 2.2.2 Chỉ báo: Tiêu chuẩn: Áp dụng: Tất cả	a. Cung cấp một bản tuyên bố về thời gian xây dựng trại nuôi, ghi cụ thể thời gian các lần trại nuôi mở rộng sau này và ghi cụ thể thời gian cùng lý do về bất kỳ sự chuyển đổi nào đối với khu vực rừng ngập mặn, hoặc đất ngập nước được thực hiện sau tháng 5 năm 1999. b. Đối với các trại nuôi chuyển đổi từ hệ sinh thái rừng ngập mặn hoặc đất ngập nước trước tháng 5 năm 1999, cung cấp vị trí và miêu tả của khu vực đã được phục hồi. Nếu việc phục hồi tự nhiên đã bắt đầu tại các khu vực bị chuyển đổi trước đây thì cũng được tính là khu vực "phục hồi".	A. Phỏng vấn cộng đồng địa phương để kiểm chứng bản tuyên bố là chính xác. Kiểm tra viên nên sử dụng bản đồ sử dụng đất của vùng này trước và sau 5 năm 1999, đồng thời tham khảo báo cáo B-EIA mà trong đó có các dữ liệu cơ sở về điều kiện sinh thái trước khi trại nuôi được xây dựng. Các hình ảnh chụp bởi vệ tinh trước và sau năm 1999 cũng được chấp nhận B. Kiểm chứng rằng khu vực phục hồi phù hợp với yêu cầu và có diện tích bề mặt được chỉ ra trong báo cáo B-EIA, hoặc bằng ít nhất 50% của vùng bị chuyển đổi.



Tiêu chí 2.3: Sự suy xét đến sinh cảnh đặc biệt của các loài có nguy cơ tuyệt chủng

	Chỉ báo	Tiêu chuẩn
2.3.1	Thành lập trại nuôi ở những nơi là sinh cảnh quan trọng của các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng theo IUCN, danh sách của quốc gia hoặc danh sách của những tổ chức khác	Không
2.3.2	Duy trì sinh cảnh quan trọng cho các loài đang có nguy cơ bị tuyệt chủng trong phạm vi trang trại và thực hiện các biện pháp bảo vệ khu vực đó.	Thực hiện các biện pháp bảo vệ các sinh cảnh được xác định bởi quá trình đánh giá tác động môi trường về đa dạng sinh học.



Tiêu chí 2.3: Sự suy xét đến sinh cảnh đặc biệt cho các loài có nguy cơ tuyệt chủng

	Các tiêu chí cần tuân thủ (Yêu cầu hành động của Người áp dụng):	Đánh giá của kiểm tra viên (Yêu cầu hành động của CB):
2.3.1	a. Báo cáo B-EIA chỉ rõ liệu trại nuôi có nằm trong khu vực được coi là môi trường sống quan trọng cho các loài đang gặp nguy hiểm. Kiểm tra viên nên tham khảo bản đồ trên Website : http://www.zeroextinction.org/	A. Rà soát báo cáo và xác nhận rằng trại nuôi không nằm trong khu vực được coi là môi trường sống quan trọng cho các loài đang gặp nguy hiểm.
2.3.2	a. Nghiên cứu các tài liệu được xuất bản và các tài liệu không chính thức/phổ biến (v.d. như báo địa phương, tạp chí) để xác định các loài đang gặp nguy hiểm xuất hiện ở trong vùng.	A. Rà soát sự thích hợp và hoàn chỉnh của các kết quả tìm kiếm, các công nhân nhận thức được về các loài đang gặp nguy hiểm và các biện pháp bảo vệ.
	b. Chuẩn bị một quy trình/thủ tục bằng văn bản miêu tả cách trại nuôi tránh các tác động tiêu cực đến các loài đang gặp nguy hiểm mà có thể xuất hiện tại trại.	B. Phỏng vấn cộng đồng địa phương, kiểm chứng không có bằng chứng nào cho thấy trại nuôi đang có các tác động tiêu cực lên các loài đang gặp nguy hiểm. Các cuộc họp tại địa phương, phải có biên bản ghi và danh sách người tham dự các cuộc họp.



Bản đồ sinh cảnh các loài của tổ chức Zero Extinction



Nguyên tắc 5: sử dụng thức ăn và thực hành cho ăn đảm bảo thức ăn đầu vào là bền vững và tối thiểu

Tiêu chí 5.1: Tính bền vững của nguyên liệu làm thức ăn

	Chỉ báo	Tiêu chuẩn
5.1.2	Sản phẩm từ phụ phẩm không nằm trong sách đỏ của IUCN.	Có
5.1.3	Sản phẩm nguyên liệu sử dụng trong thức ăn không có trong “nhóm các loài bị đe dọa ” trong danh sách đỏ về các loài bị đe dọa tiệt chủng của tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN)	Có
5.1.4	Các sản phẩm bột cá, dầu cá được sử dụng trong thức ăn không là các loài nằm trong danh sách của công ước quốc tế về buôn bán các loài có nguy cơ tuyệt chủng (CITES)	Có

Phụ phẩm: Các phần thừa, nội tạng, đầu và xương từ quá trình chế biến cá/tôm.



**Cám ơn quý vị đã quan
tâm theo dõi !**